

Số: 1392 /QĐ-UBND

Nga Sơn, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ đề xuất (HSDX) gói thầu thi công xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số: 1101/QĐ-UBND ngày 26/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 29/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Trung tâm văn hóa xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Chủ tịch UBND xã Nga Thiện Chỉ định thầu tư vấn Lập hồ yêu cầu chào hàng cạnh tranh (HSYC) và đánh giá Hồ sơ đề xuất (HSDX), Gói thầu Thi công xây dựng công trình (bao gồm hạng mục chung);

Xét Hồ sơ kèm theo Tờ trình số 151/TTr-BQL ngày 23/6/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện về việc đề nghị xin phê duyệt hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa, với những nội dung chính sau:

I. Hồ sơ yêu cầu: Gồm 05 chương;

- + Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- + Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất;
- + Chương III. Biểu mẫu;
- + Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu;
- + Chương V. Dự thảo hợp đồng.

II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất:

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX:

1.1. Kiểm tra HSDX:

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên yêu cầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm đề xuất đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:

- *Lịch sử không hoàn thành hợp đồng:* Từ ngày 01/01/2015 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành;

- *Kiện tụng đang giải quyết:* Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50% giá trị tài sản ròng của nhà thầu.

- *Các yêu cầu về tài chính:*

+ Nộp báo cáo tài chính từ năm 2015 đến năm 2016 để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương;

+ Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng tối thiểu là **6,4 tỷ đồng**, trong vòng 2 năm trở lại đây; Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó;

+ Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là: **1,3 tỷ đồng**.

- *Kinh nghiệm cụ thể trong quản lý và thực hiện hợp đồng xây lắp:*

Các hợp đồng tương tự đã thực hiện tối thiểu là 01 hợp đồng mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (80% khối lượng công việc của hợp đồng) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 2 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu). Trong đó:

- Đối với nhà thầu độc lập: có ít nhất 01 hợp đồng tương tự mỗi hợp đồng có giá trị **3,4 tỷ đồng**.

- Đối với nhà thầu liên danh:

+ Số lượng nhà thầu liên danh: Không quá 02 thành viên.

+ Từng thành viên liên danh phải có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự gói thầu, mỗi hợp đồng có quy mô đạt giá trị $\geq 3,4$ tỷ đồng x tỷ lệ % công việc đảm nhận trong liên danh.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

a) Nhân sự chủ chốt:

- Chỉ huy trưởng công trường: 01 người

Là Kỹ sư xây dựng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp, trước đó từng đảm nhiệm vị trí tương tự ≥ 01 công trình trong vòng 3 năm gần nhất (2013,2014,2015), có chứng chỉ hàng nghề giám sát, có bằng cấp phù hợp, có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn với nhà thầu

- Cán bộ kỹ thuật thi công: 02 người

Là Kỹ sư xây dựng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp, đã từng đảm nhiệm vị trí tương tự ≥ 01 công trình trong vòng 3 năm gần nhất (2014,2015,2016), có bằng cấp phù hợp, có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn với nhà thầu.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có (Thuộc sở hữu của nhà thầu)
1	Máy đào Vgầu $\leq 0,8m^3$	01 cái
2	Ô tô vận chuyển 5- 7 tấn	01 cái
3	Máy trộn bê tông 250ml	01 cái
4	Máy trộn vữa 80ml	01 cái
5	Máy đầm cóc	01 cái

Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật của gói thầu dựa trên tiêu chí chấm “Đạt” hoặc “Không đạt” với các nội dung sau :

a. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Gạch, Xi măng, Cốt thép, cát, đá - nêu nguồn cung cấp, chất lượng vật liệu và cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt

1.2. Các loại vật liệu khác: Gạch lát, cửa nhựa, thiết bị khác nêu nguồn cung cấp, chất lượng vật liệu và cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp.	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

b. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại.	Chấp nhận được
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Thi công phần móng, phần thô, phần hoàn thiện	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.2 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

c. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Bảo đảm an toàn lao	Có đề xuất bảo đảm	Đạt

động	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt
3.2. Thi công phần móng, phần thô, phần hoàn thiện	Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

d. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 06 tháng có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 06 tháng có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 06 tháng.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

e. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong Thi công phần móng, phần thô, phần hoàn thiện	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng	Không đạt

	nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

f. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ	Không đạt

	sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

g. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 2 năm (2015, 2016) trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu	Đạt
	Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Chấp nhận được
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn a, b, c, d, e, f và g được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn a, b, c, d, e, f và g thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo

4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

HSDX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

5. Điều kiện xét duyệt trúng thầu:

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ;
- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu HSYC;
- Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
- Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất ;
- Giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được duyệt./.

Điều 2. Trên cơ sở Hồ sơ yêu cầu được duyệt, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND; Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi Nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Đ/c Trần Ngọc Quyết PCT UBND huyện (b/c)
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Quyết